

PHỤ LỤC 01

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2020

HUYỆN HOÀI NHƠN

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại đường			
					A	B	C	D
I	Xã Hoài Đức			6,937	-	0,210	3,533	3,194
1	Từ nhà bà Lan - nghĩa địa Lại Khánh	Nhà bà Lan	Nghĩa địa Lại Khánh				0,300	
2	Từ đường bê tông-rẫy ông Ty	đường bê tông	rẫy ông Ty					0,095
3	Đường xóm Phó Nga thôn Lại Khánh Tây	Nhà ông Cường	Nhà ông Tàu					0,195
4	Đường xóm 4 Định Bình	Nhà ông Tuấn	Nhà bà Lan					0,100
5	Đường xóm 3 Xuân an	Đường BT	Thanh Minh				0,450	
6	Từ ĐT630 - nhà ông Luật	ĐT630	Ông Luật					0,135
7	Từ ĐT630 - nhà ông Lý	ĐT630	Ông Lý					0,125
8	Đường vào Hóc Ga Bình Chương Nam	Đường xe lửa	Hóc Ga				0,430	
9	Đường vào Hóc Miếu Bình Chương Nam	Đường xe lửa	Hóc Miếu					0,200
10	Đường vào nhà ông Khự Bình Chương Nam	Ga xe lửa cũ	Nhà ông Khự					0,080
11	Đường vào Dinh bà Diễm Khánh	QLIA	Dinh bà				0,120	
12	Từ QLIA vào nhà ông Tư Diễm Khánh	QLIA	Nhà ông Tư			0,210		
13	Đường xóm Xuân Thạnh Tây Lại Khánh	Đường BT	Nhà ông Thương					0,110
14	Đường nhà ông Lực - ông Lợi Văn Cang	Ông Lực	Ông Lợi					0,140
15	Đường nhà ông Tân - ông Hùng Văn Cang	Ông Tân	Ông Hùng					0,100
16	Đường nhà ông Xuân - ông Bé Văn Cang	Ông Xuân	Ông Bé					0,120
17	Đường từ nhà bà Nhận - ông Long Văn Cang	Bà Nhận	Ông Long				0,120	
18	Đường từ nhà ông Lại - ông Diên Văn Cang	Ông Lại	Đường bê tông				0,160	
19	Đường từ nhà bà Thảo - ông Thực	Bà Thảo	Ông Thực					0,060
20	Đường xóm 1 Lại Đức	Đường BT	Ông Tri				0,200	
21	Đường xóm 1 Lại Đức	Đường BT	Nhà ông Thứ				0,100	
22	Đường xóm 2 Lại Đức	Đường BT	Nhà ông Thọ					0,182
23	Đường xóm 3 Lại Đức	Đường BT	Nhà ông Vinh					0,100
24	Đường xóm 4 Lại Đức	Đường BT	Nhà bà Tuyết				0,170	
25	Đường xóm 4 Lại Đức	Đường BT	Nhà bà Huệ				0,100	

TT	Tên tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại đường			
					A	B	C	D
26	Đường xóm 1 Lại Đức	Đường BT	Nhà bà Tâm					0,060
27	Đường xóm 2 Lại Đức	Đường BT	nhà ông Thanh					0,055
28	Đường xóm 4 Lại Đức	Đường BT	nhà ông Rê					0,050
29	Đường xóm 4 Lại Đức	Đường BT	nhà ông Điền					0,095
30	Đường xóm 2 Lại Đức	nhà ông Danh	nhà ông Mùa				0,199	
31	Đường xóm 2 Lại Đức	nhà ông Mùa	nhà ông Anh					0,181
32	Đường xóm Xuân Phong Lại Khánh	đường bê tông	nhà ông Long					0,124
33	Đường xóm Xuân Thạnh Đông Lại Khánh	nhà ông Dũng	sân vận động					0,260
34	Đường xóm Xuân Thạnh Đông Lại Khánh	ĐT630	nhà ông Cường					0,119
35	Đường xóm Xuân Thạnh Đông Lại Khánh	ĐT630	nhà ông Đức				0,075	
36	Đường xóm 1 Định Bình Nam	nhà ông Nở	nhà ông Huôn					0,178
37	Đường xóm 2 Định Bình Nam	nhà ông Thà	nhà ông Xiêng				0,173	
38	Đường xóm 3 Định Bình Nam	nhà ông Qúa	Nhà ông Phú				0,236	
39	Từ QLIA cũ - nhà ông Ly Diễn Khánh	QLIA cũ	Nhà ông Ly				0,200	
40	Từ QLIA - nhà ông Thuận Diễn Khánh	QLIA	Nhà ông Thuận					0,110
41	Từ QLIA - nhà ông Giang Diễn Khánh	QLIA	Nhà ông Giang					0,070
42	Từ QLIA - nhà bà Nghi	QLIA	Nhà bà Nghi					0,150
43	Từ nhà ông Minh - nhà ông Bình Bình Chương	nhà ông Minh	nhà ông Bình				0,300	
44	Từ QLIA cũ - bờ kè Bình Chương	QLIA cũ	Bờ kè				0,200	
II	Xã Hoài Thanh			18,288	-	0,350	12,818	5,120
1	Tuyến đường từ dốc Mỹ Hòa đến nhà Tân Mỹ An 1	Mỹ Hòa	Nhà Tân			0,350		
2	Tuyến đường từ trụ sở thôn đến nhà hợp xóm An Lộc 2	Trụ Sở thôn	Nhà hợp xóm				0,443	
3	Tuyến đường từ Nhà Thảng đến nhà Ba Mỹ An 2	Nhà Thảng	Nhà Ba				0,233	
4	Tuyến đường từ nhà Thức đến nhà Thanh Mỹ An 2	Nhà Thức	Nhà Thanh				0,405	
5	Tuyến đường từ nhà Phu đến nhà Nhân Mỹ An 2	Nhà Phu	Nhà Nhân				0,240	
6	Tuyến đường từ Nhà Dung đến nhà Cho Trường An 1	Nhà Dung	Nhà Cho				0,266	
7	Tuyến đường từ Công Trính đến nhà Nguyễn Thị Bảy	Cổng Trính	Nguyễn Thị Bảy				0,417	
8	Tuyến đường Từ nhà Lực đến nhà Cược Trường An 1	Nhà Lực	Nhà Cược				0,186	
9	Tuyến đường từ nhà Liên đến nhà Hoàng Trường An 2	Nhà Liên	Nhà Hoàng				0,181	
10	Tuyến đường từ nhà Tam đến nhà Nhanh Trường An 2	Nhà Tam	Nhà Nhanh				0,210	
11	Tuyến đường Từ Ngõ Thỏ đến Ngõ Dương Lâm Trúc 1	Ngõ Thỏ	Ngõ Dương				0,243	
12	Tuyến đường Từ Ngõ Huấn Đến Ngõ Thiết Lâm Trúc 1	Ngõ Huấn	Ngõ Thiết				0,217	

TT	Tên tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại đường			
					A	B	C	D
13	Tuyến đường từ Ngõ Gấp giáp bê tông Bàu Lưới Lâm Trú 1	Ngõ Gấp	BT Bàu Lưới				0,475	
14	Tuyến đường Từ nhà Hiệu đến nhà Ché Rê Lâm Trú 2	Nhà Hiệu	Ché Rê				0,082	
15	Tuyến đường Từ nhà Hoàng (BT 055) đến nhà Mai Lâm Trú 2	Nhà Hoàng	Nhà Mai				0,178	
16	Tuyến đường từ nhà Tiên đến giáp Hoài Xuân An Dinh 1	Nhà Tiên	Hoài Xuân				0,700	
17	Tuyến đường từ Trụ sở thôn đến nhà Ân An Lộc 1	Trụ Sở thôn	Nhà Ân				0,200	
18	Tuyến đường từ nhà Hạnh đến nghĩa trang liệt sĩ An Lộc 2	Nhà Hạnh	NTLS				0,320	
19	Tuyến đường từ bàn Sơ đến nhà Gấm An Lộc 2	Bàn Sơ	Nhà Gấm				0,500	
20	Tuyến đường từ Tài đến nhà Dược An Lộc 2 (nối dài)	Nhà Tài	Nhà Dược				0,100	
21	Tuyến đường từ Nhà Ân đến nhà Tân Mỹ An 1	Nhà Ân	Nhà Tân				0,700	
22	Tuyến đường từ Nhà Phụng đến nhà Dung Mỹ An 1	Nhà Phụng	Nhà Dung				0,400	
23	Tuyến đường từ nhà Nữ đến Gò A Mỹ An 2	Nhà Nữ	Gò A				0,500	
24	Tuyến đường từ nhà Phong đến Sông Cạn Mỹ An 2	Nhà Phong	Sông Cạn				0,350	
25	Tuyến đường từ nhà Nhuận đến nhà Lợi Mỹ An 2	Nhà Nhuận	Nhà Lợi				0,400	
26	Tuyến đường từ Nhà Trinh đến nhà Mạnh Trường An 1	Nhà Trinh	Nhà Mạnh				0,250	
27	Tuyến đường từ Nhà Sáu Cưa đến nhà Tuổi Trường An 1	Nhà Sáu Cưa	Nhà Tuổi				0,650	
28	Tuyến đường từ Nhà Mười đến nhà Nghè Trường An 1	Nhà Mười	Nhà Nghè				0,220	
29	Tuyến đường từ Nhà Vương đến nhà Vinh Trường An 1	Nhà Vương	Nhà Vinh				0,300	
30	Tuyến đường từ Nhà Đợi đến nhà Đâu Trường An 1, dài 0,250m	Nhà Đợi	Nhà Đâu				0,250	
31	Tuyến đường từ Nhà Đợi đến nhà Khâu Trường An 2	Nhà Đợi	Nhà Khâu				0,300	
32	Tuyến đường từ nhà Niệm đến nhà Lê Tấn Toàn Trường An 2	Nhà Niệm	Nhà Lê Tấn Toàn				0,700	
33	Tuyến đường quán Chuyển đến nhà Đào Thanh Vân Trường An 2	Quán Chuyển	Nhà Đào Thanh Vân				0,500	
34	Tuyến đường từ Nhà Rạng đến nhà Tấn Trường An 2	Nhà Rạng	Nhà Tấn				0,500	
35	Tuyến đường từ Nhà Lân đến nhà Diệm Lâm Trú 1,	Nhà Lân	Nhà Diệm				0,232	
36	Tuyến đường từ Nhà Đồng đến Thanh Minh Lâm Trú 1	Nhà Đồng	Thanh Minh				0,320	
37	Tuyến đường từ Nhà Siêng đến giáp BT Bàu Lưới Lâm Trú 1	Nhà Siêng	BT Bàu Lưới				0,350	
38	Tuyến đường từ Nhà Sinh đến nhà Nam Lâm Trú 1	Nhà Sinh	Nhà Nam				0,200	
39	Tuyến đường từ Nhà Thư đến nhà Thạnh Lâm Trú 2	Nhà Thư	Nhà Thạnh				0,100	
40	Tuyến đường từ nhà Cường đến đất Phương An Dinh 1	Nhà Cường	Đất Phương					0,230
41	Tuyến đường từ nhà Trị đến nhà Minh An Dinh 1	Nhà Trị	Nhà Minh					0,250
42	Tuyến đường từ nhà chính đến nhà Bảy An Dinh 1	Nhà Chính	Nhà Bảy					0,400
43	Tuyến đường từ nhà Mai đến nhà Thành An Dinh 1	Nhà Mai	Nhà Thành					0,200
44	Tuyến đường từ nhà Trục đến nhà Hùng An Dinh 1	Nhà Trục	Nhà Hùng					0,100

TT	Tên tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại đường			
					A	B	C	D
45	Tuyến đường Từ Ngõ Mau đến Ngõ Hở An Dinh 2	Ngõ Mau	Ngõ Hở					0,200
46	Tuyến đường từ nhà Việt đến Kênh N2 An Dinh 2	Nhà Việt	Kênh N2					0,200
47	Tuyến đường từ ngõ Nung đến Rộc xe An Dinh 2	Ngõ Nung	Rộc Xe					0,170
48	Tuyến đường từ Ngõ Tài đến ngõ Tồn An Dinh 2	Ngõ Tài	Ngõ Tồn					0,180
49	Tuyến đường từ ngõ Niên đến Ngõ Đễ An Dinh 2	Ngõ Niên	Ngõ Đễ					0,215
50	Tuyến đường từ Ngõ Hết đến ngõ Đỏ An Dinh 2	Ngõ Hết	Ngõ Đỏ					0,220
51	Tuyến đường từ Ngõ Chi đến Soi xe An Dinh 2	Ngõ Chi	Soi xe					0,200
52	Tuyến đường từ nhà Bạc đến nhà Đạm An Lộc 1	Nhà Bạc	Nhà Đạm					0,200
53	Tuyến đường từ nhà Đâu đến nhà Thu An Lộc 2	Nhà Đâu	Nhà Thu					0,145
54	Tuyến đường từ nhà Đúng đến nhà Điều An Lộc 2	Nhà Đúng	Nhà Điều					0,090
55	Tuyến đường từ Nhà Trung đến nhà Trúc Mỹ An 1	Nhà Trung	Nhà Trúc					0,380
56	Tuyến đường từ Nhà Diêm đến nhà Điều Mỹ An 1,	Nhà Diêm	Nhà Điều					0,290
57	Tuyến đường từ Nhà Thả đến nhà Sơn Mỹ An 1	Nhà Thả	Nhà Sơn					0,300
58	Tuyến đường từ Nhà Bốn đến nhà Lợi Trường An 2	Nhà Bốn	Nhà Lợi					0,700
59	Tuyến đường từ Nhà Đức đến nhà Hoàng Lâm Trúc 2	Nhà Đức	Nhà Hoàng					0,200
60	Tuyến đường từ Nhà Quy đến nhà Sáu Lâm Trúc 2	Nhà Quy	Nhà Sáu					0,250
III	Xã Hoài Thanh Tây			1,660	0,090	0,360	-	1,210
1	Tuyến từ nhà ông Bình đến giáp đường Cổng chào - sông Xưởng thôn Tài Lương 1	Nhà Ông Bình	Đường cổng chào - Sông Xưởng		0,090			
2	Tuyến từ nhà ông Lân đến sông Xưởng thôn Tài Lương 1	Nhà ông Lân	Sông Xưởng			0,360		
3	Tuyến từ ngã ba Huỳnh Sinh đến nhà Võ Hồng Hà thôn Ngọc An Tây L=200m	Nhà Huỳnh Sinh	Nhà Võ Hồng Hà					0,200
4	Tuyến từ nhà Lê Định đến Nguyễn Văn Đậu thôn Ngọc An Tây L=290m	Nhà Lê Định	Nhà Nguyễn Văn Đậu					0,290
5	Tuyến từ nhà Nguyễn Đưa đến nhà Đình Công Huệ thôn Ngọc An Tây L=300	Nhà Nguyễn Đưa	Nhà Đình Công Huệ					0,300
6	Tuyến Từ nhà Đình Nhậm đến nhà Nguyễn Thị Lệ thôn Ngọc An Tây L=150m	Nhà Đình Nhậm	Nhà Nguyễn Thị Lệ					0,150
7	Tuyến Từ nhà Huỳnh Dậy đến mương N2 thôn Ngọc An Đông L=180m	Nhà Huỳnh Dậy	Mương N2					0,180
8	Tuyến từ đường BTXM liên thôn đến nhà Nguyễn Thị Bé thôn Tài Lương 1 L=90m	Đường BTXM Liên thôn	Nhà Nguyễn Thị Bé					0,090

TT	Tên tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại đường			
					A	B	C	D
IV	Xã Hoài Hảo			9,080	0,578	8,222	0,280	-
1	Tuyến từ Cầu Phú sơn - Trường xóm Phú Thương	Cầu Phú sơn	Trường xóm Phú Thương			0,500		
2	Tuyến từ Đất Việt - Nghĩa địa	Đất việt	Nghĩa địa			0,250		
3	Tuyến Giáp đường Bê tông -Ngõ Thích, ngõ Cường, Ngõ Thịnh, Ngõ Tình	Giáp đường Bê tông	Ngõ thích, ngõ Cường, Ngõ Thịnh, Ngõ Tình			0,250		
4	Tuyến từ Ngõ Thịnh - Suối Lò	Ngõ Thịnh	Suối lò			0,250		
5	Tuyến từ giáp bê tông- Ngõ Giọng, Vườn xuân, Ngõ Đáo	Giáp đường Bê tông	Ngõ Giọng, Vườn xuân, Ngõ Đáo			0,350		
6	Tuyến đường Giáp đường bê tông - Nghĩa địa	Giáp đường Bê tông	Nghĩa địa			0,450		
7	Tuyến đường từ nhà Ông Bốn Tũu - Lê thị Ngọc	Nhà ông bốn tũu	Lê thị Ngọc				0,130	
8	Tuyến từ nhà Đàm đến nhà Huỳnh Nghiệp	Nhà Đàm	Nhà Huỳnh Nghiệp			0,100		
9	Tuyến đường Giáp đường bê tông - nhà Mùi	Giáp đường Bê tông	nhà Mùi			0,250		
10	Tuyến đường giáp đường bê tông - Giáp mương Công trình	Giáp đường Bê tông	Giáp mương công trình			0,100		
11	Tuyến đường giáp đường bê tông - Võ Thị Hà	Giáp đường Bê tông	Võ Thị hà			0,240		
12	Tuyến từ Giáp đường Bê tông đến nhà Tụ	Giáp đường Bê tông	nhà Tụ			0,430		
13	Tuyến từ Giáp đường Bê tông nhà trung - qua Hòa Bình	Giáp đường Bê tông nhà Trung	Qua Hòa Bình			0,220		
14	Tuyến từ Giáp đường Bê tông - đến đầm lầy	Giáp bê tông	Đầm lầy			0,265		
15	Tuyến từ Giáp đường Bê tông - nhà Trung	Giáp bê tông	nhà Trung			0,200		
16	Tuyến đường giáp đường QL1A nhà mỹ - Ngã ba nhà Đái	đường QL1A nhà mỹ	Ngã ba nhà Đái			0,290		
17	Tuyến đường giáp đường bê tông đến nhà Thuận	Giáp đường BT	nhà Thuận			0,300		
18	Tuyến đường giáp đường bê tông đến nhà nhà kim, kha, khanh, thai	Giáp đường BT	nhà nhà kim, kha, khanh, thai			0,350		
19	Tuyến đường giáp đường bê tông đến nhà Thúy	Giáp đường BT	nhà Thúy			0,350		
20	Tuyến đường giáp đường bê tông đến nhà Trung	Giáp đường BT	nhà Trung			0,370		
21	Bê tông GTNT Phụng du 2: Tuyến từ Bê tông - nhà Thái, Kim, Diễm Ông nghiệp, bà An bờ đập	Giáp đường BT	Nhà Thái, Kim, Diễm Ông nghiệp, bà An bờ đập			0,340		
22	Tuyến đường giáp đường bê tông đến nhà Diễm	Giáp đường BT	nhà Diễm			0,240		
23	Tuyến đường xe lửa đến nhà Tiến	Xe lửa	nhà Tiến			0,215		
24	Tuyến Giáp đường Bê tông - nhà Phương, trúc, hải	Giáp đường BT	nhà Phương, trúc, hải			0,370		

TT	Tên tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại đường			
					A	B	C	D
25	Tuyến đường Giáp đường Bê tông - nhà Học	Giáp đường BT	nhà Học			0,120		
26	Nâng cấp và mở rộng tuyến đường từ Trụ sở thôn Hội Phú đến Cầu phú sơn	Trụ sở thôn Hội Phú	Cầu Phú Sơn		0,578			
27	Bê tông giao thông kết hợp với tràn phân lũ tuyến đường từ Quốc lộ 1A đến nhà Nguyễn Ba, thôn Phụng du 2	Quốc lộ 1A	Nhà Nguyễn Ba, thôn Phụng du 2			0,150		
28	Tuyến từ nhà Phong đến nhà Trâm	nhà Phong	nhà Trâm			0,200		
29	Tuyến từ Nhà Trang - Trường Xóm	Nhà Trang	Trường xóm			0,207		
30	Tuyến từ đường Cơ khí đến nhà Tâm , nhà Tư	Đường cơ Khí	Nhà Tâm, tư			0,115		
31	Tuyến đường từ Trường xóm Thanh Minh đến nhà Loan	Trường xóm Thanh Minh	nhà Loan				0,150	
32	Tuyến đường từ đường bê tông đến nhà Phùng	Giáp đường BT	nhà phùng			0,750		
V	Xã Hoài Xuân			6,049	-	6,049	-	-
1	Tuyến đường từ ngã ba nhà Hùng (Thuận Thượng I)-nhà Nhạn (Hòa Trung I), dài 613m	Ngã ba nhà Hùng	Nhà Nhạn			0,613		
2	Tuyến đường từ Nhà Toàn-nhà Đan và nhà Như-nhà Đình, dài 116m	Nhà Toàn, nhà Như	Nhà Ban, nhà Bình			0,116		
3	Tuyến đường từ Nhà Còn-nhà Sướng, dài 440m	Nhà Còn	Nhà Sướng			0,440		
4	Tuyến đường từ HTX nông nghiệp-ngã ba nhà Thế, dài 199m	HTX nông nghiệp	Ngã ba nhà Thế			0,199		
5	Tuyến đường từ Ngã ba nhà Thế-nhà Tấn, dài 257m	Ngã ba nhà Thế	Nhà Tấn			0,257		
6	Tuyến đường từ Nhà Văn hóa thôn 111 đến nhà Hùng , dài 333m	Nhà Văn hóa	Nhà Hùng			0,333		
7	Tuyến đường từ nhà Chùa Minh Thuận đến nhà Nguyễn Bảy, dài 429m	Chùa Minh Thuận	Nhà Bảy			0,429		
8	Tuyến đường từ nhà Nguyễn Đi đến đường Bê tông Song Khánh, dài 142m	Nhà Đi	Đường BT Song Khánh			0,142		
9	Tuyến đường từ nhà Bùi Thị Mật đến nhà Võ Thị Minh Huệ, dài 175m	Nhà Mật	Nhà Huệ			0,175		
10	Tuyến đường từ nhà Huỳnh Ngọc Tra đến nhà Nguyễn Ngọc Vui, dài 194m	Nhà Tra	Nhà Vui			0,194		
11	Tuyến đường từ nhà Nguyễn Hồng Sơn đến giáp đường BT (gần nhà Tám), dài 95m	Nhà Sơn	Nhà Tám			0,095		
12	Tuyến đường từ nhà Bùi Ngọc Ảnh đến nhà Bùi Văn Trung, dài 178m	Nhà Ảnh	Nhà Trung			0,178		
13	Tuyến đường từ Nguyễn Xuân Á đến nhà Trần Đức, dài 196	Nhà Xuân Á	Nhà Đức			0,196		

TT	Tên tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại đường			
					A	B	C	D
14	Tuyến đường từ nhà Trần Xuân Thanh đến nhà Nguyễn Thanh Tâm, dài 189m	Nhà Thanh	Nhà Tâm			0,189		
15	Tuyến đường từ nhà Phan Ai đến Máng Dài 355m	Nhà Phan Ai	Máng dài			0,355		
16	Tuyến đường từ nhà Nguyễn Hồng Nam đến nhà Đông, dài 595m	Nhà Nam	Nhà Đông			0,595		
17	Tuyến đường từ bê tông Vĩnh Phụng 1, Thái Lai đến Bờ vùng, dài 470m	Đường BT Vĩnh Phụng I	Bờ vùng			0,470		
18	Tuyến đường từ nhà Trần Hữu Sử đến nhà Nguyễn Xê đến Phan Hồng, dài 350m	Nhà Sử	Nhà Xê, Hồng			0,350		
19	Tuyến đường từ nhà Lê Nền đến đường liên xã, dài 170m	Nhà Lê Nền	Đường liên xã			0,170		
20	Tuyến đường từ nhà Trần Thị sang đến kênh N24, dài 128m	Nhà Sang	Kênh N24			0,128		
21	Tuyến đường từ nhà Nguyễn Tân Thực đến Lê Xuân Báo, dài 118m	Nhà Thực	Nhà Báo			0,118		
22	Tuyến đường từ nhà Lê Thị Lệ đến nhà Nguyễn An, dài 307m	Nhà Lệ	Nhà An			0,307		
VI	Xã Hoài Châu:			1,684	-	-	1,544	0,140
1	Tuyến đường ngõ Tùng - Ngõ Đến	Ngõ Tùng	Ngõ Đến				0,029	
2	Tuyến từ đường xóm 1 - Ngõ Đi	Đường xóm 1	Ngõ Đi				0,087	
3	Tuyến đường ngõ A - Ngõ Tiến	Ngõ A	Ngõ Tiến					0,060
4	Tuyến đường ngõ Dây - Ngõ Thu	Ngõ Dây	Ngõ Thu				0,080	
5	Tuyến đường ngõ Cẩm - Ngõ Thê	Ngõ Cẩm	Ngõ Thê					0,080
6	Tuyến đường từ nghĩa địa - Ngõ Thương	Nghĩa địa	Ngõ Thương				0,120	
7	Tuyến từ đường bê tông - Ngõ Mười	Đường bê tông	Ngõ Mười				0,085	
8	Tuyến đường cầu cây Gòn - Ruộng Bờ	cầu cây Gòn	Ruộng Bờ				1,143	
VII	Xã Hoài Sơn:			2,115	-	2,015	0,100	-
1	Mở rộng tuyến trục xã (Đoạn từ nghĩa trang - ngõ muộn)	Nghĩa trang	Ngõ muộn			2,015		
2	Tuyến đường bê tông thôn Hy tương (đoạn ngõ dân công	Ngõ dân	cổng khẩu			0,31		
3	Tuyến đường bê tông thôn Tuy Nhậm (đoạn ngõ Hào-ngõ Cho)	Ngõ Hào	ngõ Cho			0,785		
4	Tuyến đường bê tông thôn la vuông (đoạn từ nhà bảo vệ-hồ Hóc quăn)	Nhà bảo vệ	Hồ Hóc quăn				0,100	
5	Tuyến bê tông thôn Túc Sơn (đoạn x1-xóm 2)	Xóm 1	Xóm 2			0,15		
VIII	Xã Hoài Tân			21,245	-	4,745	-	16,500
1	BT tuyến đường từ ngõ hữu đến ngõ Hoa thôn An Dưỡng 1	Ngõ Hữu	Ngõ hoa			0,300		
2	LM, BT tuyến từ ngõ Dơi X3 đến ngõ Đường X2 thôn Giao Lạc 1	X3	X2			1,045		
3	BT tuyến khu dân cư Thôn Đệ Đức 3					2,500		

TT	Tên tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại đường			
					A	B	C	D
4	BT tuyến từ đường BT X4 đến kênh N1+N2 thôn Đệ Đức 2	X4	Kênh N1+N2			0,450		
5	BT tuyến đường từ DT 638 đến đường Lầu thôn Đệ Đức 1	ĐT638	Mường Lầu			0,450		
6	BT các tuyến đường thôn Đệ Đức 1							2,500
7	BT các tuyến đường thôn Đệ Đức 2							2,200
8	BT các tuyến đường thôn Đệ Đức 3							1,700
9	BT các tuyến đường thôn An Dương 1							1,700
10	BT các tuyến đường thôn An Dương 2							2,900
11	BT các tuyến đường thôn Giao Hội 1							2,500
12	BT các tuyến đường thôn Giao Hội 2							3,000
IX	Xã Hoài Phú			11,530	-	5,214	4,413	1,903
1	Từ ngõ Kiểm đến Ngõ Trà	ngõ Kiểm	Ngõ Trà			0,183		
2	Từ ngõ Giác đến ngõ Sỹ	ngõ Giác	ngõ Giác			0,180		
3	Từ ngõ Quốc đến ngõ Thưng	ngõ Quốc	ngõ Thưng			0,142		
4	Từ sau nhà Khánh đến nhà Vượng	nhà Khánh	nhà Vượng				0,250	
5	Từ cổng ngõ Thiều đến nhà Lập.	ngõ Thiều	nhà Lập				0,220	
6	Từ sau nhà Giác đến sau nhà Kiên	nhà Giác	nhà Kiên				0,075	
7	Từ ngõ Thế đến ngõ Hường	ngõ Thế	ngõ Hường				0,090	
8	Từ ngõ Sách đến sau nhà Tạ Văn Tuấn	ngõ Sách	nhà Tạ Văn Tuấn				0,166	
9	Từ dưới đập cây Xoài đến Ngõ Trà	đập cây Xoài	Ngõ Trà				1,000	
10	Từ Ngõ Nghĩa đến ngõ Nam	Ngõ Nghĩa	ngõ Nam				0,450	
11	Từ ngõ Sầm đến sau nhà Diêm	ngõ Sầm	nhà Diêm					0,220
12	Từ Ngõ Hào đến Ngõ Đùm	Ngõ Hào	Ngõ Đùm					0,120
13	Từ cổng Ngõ Bình đến đập Quán	Ngõ Bình	đập Quán			1,100		
14	Ngõ Tế đến Nghĩa Địa	Ngõ Tế	Nghĩa Địa				0,394	
15	Ngõ Hạ đến ngõ Triền	Ngõ Hạ	ngõ Triền				0,059	
16	Từ ngõ May đến ngõ Triền	ngõ May	ngõ Triền			0,100		
17	Từ đường liên thôn đến ngõ Nghiệp	đường liên thôn	ngõ Nghiệp			0,009		
18	Từ đường 13-19 đến ngõ Trương	đường 13-19	ngõ Trương					0,125
19	Từ đường đến ngõ Chánh	Từ đường	ngõ Chánh					0,020
20	Từ đường tây tỉnh đến ngõ Điệp	đường tây tỉnh	ngõ Điệp			0,078		
21	Từ kênh N9 đến ngõ Hùng	kênh N9	ngõ Hùng			0,055		
22	Tuyến từ đường tây tỉnh đến ngõ Úc	đường tây tỉnh	ngõ Úc			0,205		

TT	Tên tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại đường			
					A	B	C	D
23	Từ ngõ Dán MB1 đến ngõ Lương Thợ 1	ngõ Dán MB1	ngõ Lương Thợ 1			0,350		
24	Tuyến từ đường đến ngõ Trịnh Minh Thợ xóm 7	từ đường	ngõ Trịnh Minh					0,072
25	Tuyến từ đường đến ngõ Nguyễn Hạng xóm 7	từ đường	ngõ Nguyễn Hạng					0,040
26	Tuyến từ đường đến ngõ Lê Đình Tâm xóm 7	từ đường	ngõ Lê Đình Tâm			0,025		
27	Từ ngõ Phan Thanh Sơn.							0,024
28	Từ ngõ Lâm Văn Thay .							0,030
29	Tuyến từ đường đến ngõ Phạm Kim Trăn	từ đường	ngõ Phạm Kim Trăn			0,040		
30	Tuyến từ đường vào ngõ Trần Bộ	từ đường	ngõ Trần Bộ					0,030
31	Tuyến từ đường đến ngõ Nguyễn Trợ	từ đường	ngõ Nguyễn Trợ					0,030
32	Tuyến từ Ngõ Thê đến Ngõ Ảnh	Ngõ Thê	Ngõ Ảnh				0,186	
33	Tuyến từ ngõ Thi đến trường xóm 6	ngõ Thi	trường xóm 6				0,154	
34	Từ ngõ Sắt đến ngõ Hàng	ngõ Sắt	ngõ Hàng				0,040	
35	Tuyến từ đường đến ngõ Chức xóm 11	từ đường	ngõ Chức			0,060		
36	Tuyến từ trường xóm 11 đến ngõ Cửa	trường xóm 11	ngõ Cửa			0,105		
37	Tuyến từ đường đến ngõ Năm xóm 12	từ đường	ngõ Năm			0,015		
38	Tuyến từ đường đến ngõ Nông xóm 11	từ đường	ngõ Nông				0,025	
39	Tuyến từ Ngõ Hảo đến ngõ Đùm	Ngõ Hảo	ngõ Đùm			0,130		
40	Tuyến từ ngõ Sách đến ngõ Tuấn	ngõ Sách	ngõ Tuấn					0,166
41	Tuyến từ đập cây Xoài đến ngõ Nhung	đập cây Xoài	ngõ Nhung				0,250	
42	Tuyến từ đường đến ngõ Tạng	từ đường	ngõ Tạng				0,055	
43	Tuyến từ đường đến ngõ Năm	từ đường	ngõ Năm					0,045
44	Tuyến từ đường đến ngõ Hùng	từ đường	ngõ Hùng					0,130
45	Tuyến từ ngõ Bình đến Hoài Hảo	ngõ Bình	Hoài Hảo			1,175		
46	Tuyến từ đường bê tông đến ngõ Quang	đường bê tông	ngõ Quang					0,070
47	Tuyến từ đường đến ngõ Thân	từ đường	ngõ Thân					0,043
48	Tuyến từ đường đến ngõ Tự	từ đường	ngõ Tự					0,030
49	Tuyến từ đường đến ngõ Trầm	từ đường	ngõ Trầm					0,015
50	Tuyến từ đường đến ngõ Ban	từ đường	ngõ Ban				0,020	
51	Tuyến từ đường đến ngõ Ngọc	từ đường	ngõ Ngọc				0,024	
52	Tuyến từ đường đến ngõ Trung	từ đường	ngõ Trung					0,137
53	Tuyến từ đường đến ngõ Thanh	từ đường	ngõ Thanh					0,084
54	Tuyến từ đường đến ngõ Bình	từ đường	ngõ Bình					0,050

TT	Tên tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại đường			
					A	B	C	D
55	Tuyến từ đường đến ngõ Du	từ đường	ngõ Du				0,120	
56	Tuyến từ đường đến ngõ Thảo	từ đường	ngõ Thảo					0,027
57	Tuyến từ đường đến ngõ Nhơn	từ đường	ngõ Nhơn					0,040
58	Tuyến từ đường đến ngõ Khiêm	từ đường	ngõ Khiêm					0,107
59	Tuyến từ đường đến ngõ Luân	từ đường	ngõ Luân					0,030
60	Tuyến từ đường đến ngõ Rợ	từ đường	ngõ Rợ				0,110	
61	Tuyến từ đường đến ngõ Định	từ đường	ngõ Định					0,031
62	Tuyến từ đường đến ngõ Minh	từ đường	ngõ Minh				0,290	
63	Tuyến từ đường đến ngõ Chính	từ đường	ngõ Chính				0,030	
64	Tuyến từ đường đến ngõ Khôi	từ đường	ngõ Khôi					0,057
65	Tuyến từ đường đến ngõ Sơn	từ đường	ngõ Sơn				0,022	
66	Tuyến từ Ngõ Cơ đến ngõ Dục	Ngõ Cơ	ngõ Dục			0,310		
67	Tuyến ngõ Đắc đến ngõ Hàng	ngõ Đắc	ngõ Hàng			0,130		
68	Tuyến ngõ Hội đến ngõ Anh	ngõ Hội	ngõ Anh				0,095	
69	Tuyến ngõ Tâm đến ngõ Thông	ngõ Tâm	ngõ Thông					0,060
70	Tuyến ngõ Kiên đến ngõ Sô	ngõ Kiên	ngõ Sô				0,150	
71	Tuyến ngõ Ta đến ngõ Phàn	ngõ Ta	ngõ Phàn					0,070
72	Đường 3 đến ngõ Buôn	Đường 3	ngõ Buôn				0,078	
73	Từ đường bê tông đến ngõ Dững	từ đường BT	ngõ Dững				0,060	
74	Tuyến ngõ Thiều đến đường bê tông Hoài Hảo – Hoài Phú.	ngõ Thiều	đường bê tông			0,445		
75	Tuyến từ đường bê tông đến ngõ Nhận	từ đường BT	ngõ Nhận			0,047		
76	Tuyến từ đường bê tông đến ngõ Thông	từ đường BT	ngõ Thông			0,036		
77	Tuyến từ trạm điện xóm 2 đến cầu Dững	trạm điện	cầu Dững			0,294		
X	Xã Hoài Mỹ			6,873	-	-	3,364	3,509
1	Nhà Mai Ngọc Hiệp đến nhà Vạn	Nhà Mai Ngọc Hiệp đến nhà Vạn	Nhà Mai Ngọc Hiệp đến nhà Vạn					0,210
2	Đường liên gia Nhà Nguyễn Lâu đến Ngõ Thom	Nhà Nguyễn Lâu	Ngõ Thom					0,428
3	Đường liên gia Ngõ Tấn đến Ngõ Dương	Ngõ Tấn	Ngõ Dương					0,724
4	Ngõ Thịnh - Ngõ Tin	Ngõ Thịnh	Ngõ Tin					0,263
5	Đường liên gia Ngõ Tùng - Ngõ Vương	Ngõ Tùng	Ngõ Vương				0,910	
6	Đường liên gia Nhà Tàu - Nhà Bỏ	Nhà Tàu	Nhà Bỏ				1,664	
7	Nhà Lân - Nhà Khiêm	Nhà Lân	Nhà Khiêm					1,184

TT	Tên tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại đường			
					A	B	C	D
8	Đường liên gia Ngõ Tài - Ngõ Cho	Ngõ Tài	Ngõ Cho				0,790	
9	Tuyến liên gia thôn Lộ Diêu							0,700
XI	Xã Hoài Hải			0,870	-	-	0,280	0,590
1	Tuyến đường: Từ nhà ông Thiện đến giáp đường BD-DQ	Nhà ông Thiện	Đường BD-DQ					0,075
2	Tuyến đường: Từ nhà ông Vân đến giáp đường BD-DQ	Nhà ông Vân	Đường BD-DQ					0,030
3	Tuyến đường: Từ nhà ông Năng đến giáp đường BD-DQ	Nhà ông Năng	Đường BD-DQ				0,080	
4	Tuyến đường: Từ nhà ông Sơn đến giáp đường BT xã	Nhà ông Sơn	Đường BT xã				0,050	
5	Tuyến đường: Từ nhà ông Hải đến nhà ông Hộ	Nhà ông Hải	Nhà ông Hộ					0,050
6	Tuyến đường: Từ nhà bà Phong đến nhà ông Tấn	Nhà bà Phong	Nhà ông Tấn					0,050
7	Tuyến đường: Từ nhà ông Cầu đến nhà ông Tiếp	Nhà ông Cầu	Nhà ông Tiếp					0,025
8	Tuyến đường: Từ đường BT xã đến nhà bà Tiên	Đường BT xã	Nhà bà Tiên					0,080
9	Tuyến đường: Từ nhà ông Hoàng đến nhà ông Lương	Nhà ông Hoàng	Nhà ông Lương					0,030
10	Tuyến đường: Từ nhà ông Hương đến giáp đường BT xã	Nhà ông Hương	Đường BT xã					0,130
11	Tuyến đường: Từ nhà ông Sâm đến giáp đường BT xã	Nhà ông Sâm	Đường BT xã				0,090	
12	Tuyến đường: Từ nhà ông Hợp đến giáp đường BT xã	Nhà ông Hợp	Đường BT xã					0,120
13	Tuyến đường: Từ nhà bà Dung đến giáp đường BT xã	Nhà bà Dung	Đường BT xã				0,060	
XII	Xã Hoài Châu Bắc			3,585	-	1,820	1,635	0,130
1	Tuyến ngõ Trung - ngõ Dũng, Quy Thuận	ngõ Trung	Ngõ Dũng				0,070	
2	Tuyến ngõ Trị - ngõ Hộ, thôn Quy Thuận	ngõ Trị	ngõ Hộ				0,055	
3	Ngõ Hương - đồng gạch , thôn Bình Đê	ngõ Hưng	Đồng gạch				0,120	
4	Đường Tây tỉnh - ngõ Thạo, thôn Bình Đê	Đường Tây tỉnh	ngõ Thạo				0,110	
5	Ngõ Đông - ngõ Trợ, thôn Bình Đê	ngõ Đông	ngõ Trợ				0,200	
6	Tuyến từ Bờ dốc - cầu gò Đụn, thôn Bình Đê	Bờ dốc	cầu Đụn				0,060	
7	Tuyến từ ngõ Tùng - ngõ Long , thôn Bình Đê	ngõ Tùng	ngõ Long				0,180	
8	Tuyến từ ngõ Thu - đường Gia Long, thôn Bình Đê	Ngõ thu	đường Gia Long				0,060	
9	Tuyến từ ngõ Thắng - ngõ Hòa, thôn Bình Đê	ngõ Thắng	ngõ Hòa				0,070	
10	Tuyến từ ngõ Sơ - ngõ Lợi, thôn Bình Đê	ngõ Sơ	ngõ Lợi				0,060	
11	tuyến từ ngõ Giang - ngõ Hùng, thôn Bình Đê	ngõ Giang	ngõ Hùng				0,200	
12	Tuyến từ Đường số 2 đến ngõ Thiệt, thôn Bình Đê	Đường số 2	ngõ Thiệt				0,050	
13	Tuyến từ xóm 5 - bờ lô đồng Gạch, thôn Liễu An Nam	Xóm 5	đồng gạch			0,200		
14	Tuyến từ ngõ Nhân - Đường số 2, thôn Liễu An Nam	Ngõ Nhân	Đường số 2			0,300		
15	Tuyến từ ngõ Khánh - xóm 2, Chương Hòa	ngõ Khánh	xóm 2			0,300		

TT	Tên tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại đường			
					A	B	C	D
16	Tuyến từ đường ADB5 - ngõ Đô, thôn Hy Thế	đường ADB5	ngõ Đô			0,120		
17	Tuyến từ đường ADB5 - ngõ Mai, thôn Hy Thế	đường ADB5	ngõ Mai			0,100		
18	Tuyến từ đường ADB5 - ngõ Sanh, thôn Hy Thế	đường ADB5	Ngõ Sanh			0,800		
19	Tuyến từ Cổng Làng - ngõ Sâm , thôn Tuy An	Cổng Làng	ngõ Sâm				0,130	
20	Tuyến từ đường Tây tỉnh - ngõ Bình,thôn Tuy An	Đường Tây tỉnh	ngõ Bình				0,120	
21	Tuyến từ ngõ Thê - ngõ Tú,thôn Tuy An	ngõ thê	ngõ Tú				0,150	
22	Tuyến từ ngõ Hậu - ngõ Lắm , thôn Tuy An	ngõ Hậu	ngõ Lắm					0,05
23	Tuyến từ ngõ Được - ngõ Quy, thôn Tuy An	Ngõ Được	ngõ Quy					0,03
24	Tuyến từ ngõ Xuyên - ngõ Hoa, thôn Tuy An	Ngõ Xuyên	ngõ Hoa					0,03
25	Tuyến từ ngõ Xuyên - ngõ Thọ, thôn Tuy An	Ngõ Xuyên	Ngõ Thọ					0,02
XIII	Xã Tam Quan Bắc			1,765	0,198	1,358	0,111	0,098
1	Mở rộng, nâng cấp thảm nhựa tuyến đường BTXM từ ngã 3 UBND xã đến giáp đường QL1A- Gò Dài thôn Dĩnh Thạnh.	Ngã 3 UBND xã	Đường QL 1A- Gò dài thôn Dĩnh Thạnh			1,160		
2	Tuyến đường từ Công ty Cổ phần Thủy Sản Hoài Nhơn đến giáp Công ty TNHH Tân Xuân Lộc (Cơ sở 2, thôn Công Thạnh)	Công ty CPTS Hoài Nhơn (cơ sở 2 thôn Công Thạnh)	Công ty TNHH Tân Xuân Lộc (cơ sở 2 thôn Công Thạnh)		0,198			
3	Tuyến đường từ nhà ông Ngô Đình Hạ đến bến kéo ông Nguyễn Ngọc Minh thôn Công Thạnh	Nhà ông Ngô Đình Hạ	Bến kéo ông Nguyễn Ngọc Minh			0,198		
4	Tuyến đường + Bờ kè từ nhà ông Lê Bốn (cổng Bộng Thanh) đến nhà ông Trọng thôn Công Thạnh, dài 111m.	Nhà ông Lê Bốn	nhà ông Trọng				0,111	
5	Tuyến đường từ nhà ông Lê Che đến nhà ông Lê Tấn Phi	Nhà ông Lê Che	Nhà ông Lê Tấn Phi					0,098
XIV	Xã Tam Quan Nam			2,212	2,212	-	-	-
1	Tuyến đường từ ngã ba cầu Cộng Hòa (Cửu Lợi Nam) - Nhánh giữa Kho	Ngã ba cầu cộng Hòa	Nhánh Giữa kho		1,452			
2	Tuyến đường từ ngã tư ông Hiến - giáp thôn Bình Phú, xã Hoài Thanh Tây	Ngã tư ông Hiến	Giáp thôn Bình Phú, HTT		0,560			
3	Tuyến đường từ ngã tư ông Hiến - Ngã ba ông Tranh	Ngã tư ông Hiến	Ngã ba ông Tranh		0,200			
XV	Xã Hoài Hương.			2,855	-	1,715	0,235	0,905
1	Tuyến đường Tổ 10 thôn Thiện Đức Đông	Đường BT chợ	Nhà ông Tây (Nhuận An Đông)			0,390		
2	Tuyến đường Tổ 6 thôn Thiện Đức Đông	Nhà Cường	Nhà Ra			0,345		

TT	Tên tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại đường			
					A	B	C	D
3	Từ Nghĩa trang Liệt sỹ đến trường THCS Hoài Hương	Nghĩa trang Liệt sỹ	Trường THCS Hoài Hương			0,285		
4	Từ nhà ông Dung đến nhà ông Phần	Nhà Dung	Nhà Phần			0,220		
5	Từ nhà ông Cầu đến nhà ông Nhơn và đoạn nhánh rẽ	Nhà Cầu	Nhà Nhơn			0,475		
6	Từ nhà ông Sáu đến cống ngăn mặn và nhánh nhà ông Lượm đến nhà ông Dung	Nhà Sáu	Nhà Dung				0,235	
7	Các tuyến đường nhánh thôn Thanh Xuân-Đoạn 1	Nhà Tông	Nhà Triêm					0,410
8	Từ nhà ông Hoàng đến nhà bà Trang và nhánh nhà ông Tiến đến nhà ông Lâm	Nhà Hoàng	Nhà Lâm					0,495
XVI	Thị trấn Tam Quan.			0,990	0,990	-	-	-
1	BTXM đường Miếu Phó Vuông khối 3	Miếu Phó Vuông	Đất ông Đa		0,425			
2	BTXM đường 26/3 cũ	Nhà ông Thời	Nhà ông Lượm		0,265			
3	BTXM đường từ nhà Học đến nhà ông Trương Khối 1	Nhà ông Học	Nhà ông Trương		0,300			
XVII	Thị trấn Bồng Sơn			2,850	-	2,540	-	0,310
1	Đường BTXM khối Trung Lương từ đầu mố đập Lại Giang đến đất ông Võ Hùng	Đầu mố đập Lại Giang	đất ông Võ Hùng			1,080		
2	Đường BTXM khối Phụ Đức tuyến từ nhà ông Thành đến nhà ông Thích	nhà ông Thành	nhà ông Thích			0,200		
3	Đường BTXM khối Thiết Đính Nam tuyến từ công ty Nguyệt Anh đến nhà ông Trát	Công ty Nguyệt Anh	nhà ông Trát			0,250		
4	Đường BTXM khối 5 tuyến từ đường Trần hưng Đạo đến nhà ông An	từ đường Trần Hưng Đạo	nhà ông An			0,130		
5	Đường BTXM khối 1 tuyến từ đường Đào Duy Từ đến giáp bờ kè khối 1	từ đường Đào Duy Từ	bờ kè khối 1			0,220		
6	Đường BTXM khối 1; hạng mục: Tuyến từ nhà ông Nguyễn Hữu Thanh đến nhà ông Trương Phương (loại B, dài 160m); Tuyến từ nhà bà Nguyễn Thị Hoa đến nhà ông Mai Văn Tự (loại B, dài 150m).	Nhà ông Thạnh	Nhà ông Tự			0,310		
7	Đường BTXM khối 5 tuyến từ nhà ông Hòa đến nhà ông Thường - ông Thuận	nhà ông Hòa	Nhà ông Thường - ông Thuận			0,350		
8	Đường BTXM khối 5 từ nhà ông Phát đến nhà ông Lang	nhà ông Phát	nhà ông Lang					0,040

TT	Tên tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại đường			
					A	B	C	D
9	Đường BTXM khối Thiết Đính Bắc; hạng mục: Tuyến từ nhà ông Minh đến nhà bà Nhận (Loại D, dài 150m); Tuyến từ nhà ông Chí đến nhà ông Tiếp (Loại D, dài 70m); Tuyến từ nhà ông Cường đến nhà ông Hùng (loại D, dài 50m)							0,270
Tổng cộng				100,588	4,068	34,598	28,313	33,609

Trong đó:

1. Tổng chiều dài được hỗ trợ	100,588 Km
- Đường GTNT loại A:	4,068 Km
- Đường GTNT loại B:	34,598 Km
- Đường GTNT loại C:	28,313 Km
- Đường GTNT loại D:	33,609 Km
2. Tổng khối lượng XM được hỗ trợ:	12.915,86 Tấn
- Đường GTNT loại A (hỗ trợ 220T/Km):	894,96 Tấn
- Đường GTNT loại B (hỗ trợ 170T/Km):	5.881,66 Tấn
- Đường GTNT loại C (hỗ trợ 110T/Km):	3.114,43 Tấn
- Đường GTNT loại D (hỗ trợ 90T/Km):	3.024,81 Tấn